

BIỂU PHÍ VÀ SỐ TIỀN BẢO HIỂM
QUY ĐỊNH CHO SẢN PHẨM BỒ TRỢ
AN TÂM SỐNG KHỎE
BẢO HIỂM CÁC BỆNH LÝ NGHIÊM TRỌNG
 (BV-NR15/2011)

(Được phê chuẩn kèm theo Công văn số 17661/BTC-QLBH ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính)

I. PHÍ BẢO HIỂM

1. Tỷ lệ phí bảo hiểm dưới đây là tỷ lệ phí bảo hiểm chuẩn năm, được quy định cho một đơn vị Số tiền bảo hiểm bằng 100 đồng theo độ tuổi của Người được bảo hiểm.

Đơn vị: Đồng

Tuổi của Người được bảo hiểm tại thời điểm Sản phẩm bảo trợ phát sinh hiệu lực hoặc tái tục	Tỷ lệ phí bảo hiểm cho Nam	Tỷ lệ phí bảo hiểm cho Nữ
0	0.60	0.60
1	0.60	0.60
2	0.60	0.60
3	0.60	0.60
4	0.60	0.60
5	0.61	0.61
6	0.61	0.61
7	0.61	0.61
8	0.62	0.62
9	0.62	0.62
10	0.62	0.62
11	0.63	0.63
12	0.64	0.63
13	0.64	0.64
14	0.65	0.64
15	0.65	0.65
16	0.65	0.65
17	0.65	0.65
18	0.65	0.65
19	0.65	0.66
20	0.66	0.67
21	0.66	0.68
22	0.66	0.68
23	0.67	0.69
24	0.67	0.69
25	0.67	0.70
26	0.68	0.71

Tuổi của Người được bảo hiểm tại thời điểm Sản phẩm bảo trợ phát sinh hiệu lực hoặc tái tục	Tỷ lệ phí bảo hiểm cho Nam	Tỷ lệ phí bảo hiểm cho Nữ
36	0.87	1.04
37	0.92	1.11
38	0.97	1.18
39	1.03	1.25
40	1.09	1.33
41	1.17	1.41
42	1.25	1.50
43	1.34	1.59
44	1.44	1.69
45	1.53	1.79
46	1.63	1.87
47	1.74	1.97
48	1.88	2.06
49	2.01	2.15
50	2.18	2.24
51	2.33	2.32
52	2.52	2.41
53	2.70	2.49
54	2.91	2.59
55	3.11	2.67
56	3.36	2.78
57	3.58	2.88
58	3.81	2.97
59	4.02	3.06
60	4.26	3.18
61	4.48	3.32
62	4.66	3.49

Tuổi của Người được bảo hiểm tại thời điểm Sản phẩm bỏ trợ phát sinh hiệu lực hoặc tái tục	Tỷ lệ phí bảo hiểm cho Nam	Tỷ lệ phí bảo hiểm cho Nữ
27	0.69	0.72
28	0.70	0.73
29	0.71	0.75
30	0.73	0.77
31	0.74	0.80
32	0.76	0.84
33	0.78	0.88
34	0.81	0.93
35	0.84	0.99

Tuổi của Người được bảo hiểm tại thời điểm Sản phẩm bỏ trợ phát sinh hiệu lực hoặc tái tục	Tỷ lệ phí bảo hiểm cho Nam	Tỷ lệ phí bảo hiểm cho Nữ
63	4.82	3.69
64	4.86	3.89
65	4.88	4.04
66	4.93	4.13
67	5.00	4.23
68	5.17	4.41
69	5.32	4.59
70	5.48	4.73

2. Bên mua bảo hiểm có thể đóng phí bảo hiểm theo định kỳ năm, 06 tháng, quý hoặc tháng. Hệ số quy đổi từ phí đóng theo định kỳ phí 06 tháng ($F_{06 \text{ tháng}}$), phí quý ($F_{\text{quý}}$), phí tháng ($F_{\text{tháng}}$) theo phí năm ($F_{\text{năm}}$) do Bảo Việt Nhân thọ quy định tùy theo từng thời kỳ.

Hệ số quy đổi phí đóng định kỳ hiện tại được quy định như sau:

$$\text{Phí}_{\text{nửa năm}} = \frac{\text{Phí}_{\text{năm}}}{2} \times 1,06$$

$$\text{Phí}_{\text{quý}} = \frac{\text{Phí}_{\text{năm}}}{4} \times 1,12$$

$$\text{Phí}_{\text{tháng}} = \frac{\text{Phí}_{\text{năm}}}{12} \times 1,2$$

3. Với các trường hợp áp dụng phí bảo hiểm phụ trội, phí bảo hiểm phụ trội được xác định theo quy định của Bảo Việt Nhân thọ trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro.
4. Trường hợp bảo hiểm thêm cho các thành viên khác (không phải là Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm của Hợp đồng chính) trong gia đình của Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm, tỷ lệ phí bảo hiểm áp dụng cho các thành viên này có thể được tăng thêm với mức tăng thêm tối đa bằng 20% tỷ lệ phí bảo hiểm nêu trên.
5. Phí bảo hiểm có thể được làm tròn đến hàng trăm đồng.

II. SỐ TIỀN BẢO HIỂM

Số tiền bảo hiểm do Bên mua bảo hiểm lựa chọn phù hợp với quy định của Bảo Việt Nhân thọ.